

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 21/2025/DS-PT

Ngày: 13/01/2025

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Toàn Giang

Các Thẩm phán : Ông Đỗ Minh Hoàng

Bà Ngô Thị Tuyết Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hưng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 466/2024/TLPT-DS ngày 11/11/2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”;

Do bản án sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày: 05/9/2024 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2024/QĐXXPT-DS ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Số B N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S do ông Lê Ngọc T – Tổng Giám đốc đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H – Nhân viên.

Bị đơn: Ông Vũ Đại L, sinh năm 1988.

Trú tại: P T, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

(Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại cấp sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S1, Ngân hàng hoặc S1) trình bày:

Ngày 25/5/2017, ông Vũ Đại L có ký với Ngân hàng S1 hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông L, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất thẻ thời điểm ký hợp đồng được áp dụng 2.5%/tháng; kể từ tháng 8/2019 lãi suất được thay đổi áp dụng là 2.6%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 875.711.338 đồng và ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 850.320.000 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Số tiền dư nợ còn thiếu, ông L chưa thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/02/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn $2.6\%/tháng \times 150\% = 3.9\%/tháng$. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 05/9/2024, ông L còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 59.912.265 đồng; Lãi quá hạn: 130.770.594 đồng; Tổng cộng: 190.682.895 đồng (Một trăm chín mươi triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng). Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: Buộc ông Vũ Đại L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 05/9/2024 nêu trên và Ngân hàng đề nghị ông Vũ Đại L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Vũ Đại L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập đến Tòa án làm việc và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn.

Bản án sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Vũ Đại L về việc yêu cầu thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng dư nợ còn thiếu theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 25/5/2017.

Buộc ông Vũ Đại L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là **167.538.911 đồng** (Một trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm mười một đồng), bao gồm: nợ gốc 49.993.797 đồng, lãi trong hạn: 7.135.606 đồng, phí: 2.782.862 đồng, lãi quá hạn: 107.626.646 đồng.

Kể từ ngày 06/9/2024, ông Vũ Đại L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP S.

Bản án còn quyết định về án phí quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, Ngân hàng TMCP S kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Vũ Đại L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định xét xử, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai án theo quy định của pháp luật, nhưng ông L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Nguyên đơn có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không kháng cáo nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Kháng cáo của Ngân hàng là không có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người kháng cáo thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

- Nguyên đơn có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn không kháng cáo nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của Ngân hàng:

[2.1]. Ngân hàng và ông Vũ Đại L có ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 25/5/2017 kèm điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1. Hợp đồng được các bên xác lập tự nguyện cam kết, thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 117, 119 Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, Hợp đồng được xác định là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên: Ngân hàng S1 đã thực hiện đúng hợp đồng, đã cấp thẻ tín dụng và hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng cho ông Vũ Đại L, với mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất 2,5%/tháng và kể từ tháng 8/2019 lãi suất được thay đổi áp dụng là 2,6%/tháng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng đến nay, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 875.711.338 đồng. Tuy nhiên, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả gốc và lãi phát sinh theo quy định tại Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 850.320.000 đồng. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ tóm tắt sao kê thẻ tín dụng của ông Vũ Đại L thể hiện số tiền ông L đã giao dịch và thanh toán thì ông L giao dịch lần cuối cùng vào kỳ ngày 31/10/2019. Theo thỏa thuận trong bản điều khoản về thứ tự thanh toán: số tiền thanh toán của kỳ này sẽ thanh toán cho khoản phí và lãi của kỳ trước, giao dịch của kỳ trước. Do đó, bản án sơ thẩm xác định dư nợ gốc của ông L còn nợ ngân hàng tính đến ngày 31/10/2019 là: $48.649.257 + 1.344.540$ (số tiền ông L giao dịch lần cuối) = 49.993.797 đồng là có căn cứ.

Ngân hàng kháng cáo cho rằng ông L còn Dư nợ gốc: 59.912.265 đồng, bao gồm nợ gốc đến ngày 31/10/2019 cộng lãi và phí là không phù hợp với quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2; Điều 20 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về dư nợ gốc bị quá hạn, không phù hợp với nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn theo Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với lãi trong hạn và phí: Lãi suất, phí trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.

Về phí: Phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và phí từ ngày 31/10/2019 đến ngày 31/01/2020 là 2.782.862 đồng.

Đối với lãi quá hạn: Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là đúng với quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, đúng theo thỏa thuận đã ký.

Bản án sơ thẩm xác định Ngân hàng chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển sang lãi quá hạn kể từ ngày 01/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2024, số ngày quá hạn là 1679 ngày; lãi suất quá hạn là: $2,6\% \times 150\% = 3,9\%/tháng = 46,8\%/năm$. Tiền lãi quá hạn là $49.993.797 \times 46,8\%/năm \times 1679/365 = 107.626.646$ đồng là có căn cứ.

Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán Dư nợ gốc: 59.912.265 đồng; Lãi quá hạn: 130.770.594 đồng; Tổng cộng: 190.682.895 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của Ngân hàng là không có cơ sở chấp nhận.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn – ông Vũ Đại L phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 25/5/2017. Tổng cộng, ông Vũ Đại L phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn phải trả tính đến ngày 05/9/2024 là: 167.538.911 đồng (nợ gốc 49.993.797 đồng; lãi trong hạn: 7.135.606 đồng; phí: 2.782.862 đồng; lãi quá hạn: 107.626.646 đồng). Ngoài ra, ông Vũ Đại L còn có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh tiếp tục được tính kể từ ngày 06/9/2024 trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn.

[2.2]. Đối với bị đơn ông Vũ Đại L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên được xác định bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Bản án sơ thẩm đã quyết định về án phí dân sự sơ thẩm phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên.

Ngân hàng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 3, 117, 119, khoản 1 Điều 280; các điều 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 11 Điều 2 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân quận H và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Vũ Đại L về việc yêu cầu thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng dư nợ còn thiếu theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 25/5/2017.

Buộc ông Vũ Đại L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 05/9/2024 là **167.538.911 đồng** (Một trăm sáu mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm mười một đồng), bao gồm: nợ gốc 49.993.797 đồng, lãi trong hạn: 7.135.606 đồng, phí: 2.782.862 đồng, lãi quá hạn: 107.626.646 đồng.

Kể từ ngày 06/9/2024, ông Vũ Đại L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP S.

[3]. Về án phí:

- Ông Vũ Đại L phải chịu 8.377.000 đồng (Tám triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S phải chịu 1.157.000 đồng (Một triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 3.900.000 đồng (Ba triệu, chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội theo biên lai số 0011297 ngày 15/3/2024. Nay Ngân hàng được nhận lại 2.743.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

- Ngân hàng TMCP S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội theo biên lai số 0033676 ngày 25/9/2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. H
- Chi cục THA dân sự Q.H;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Toàn Giang